

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 114/2018/HSPT.

Ngày 12/6/2018.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung

Các Thẩm phán:

Bà Hoàng Lan Phương

Ông Lê Huy Thịnh

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hữu Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 78/2018/HSPT ngày 07 tháng 5 năm 2018, đối với bị cáo Đỗ Thị N và Trương Văn V, do có kháng nghị của VKSND tỉnh Thanh Hóa và kháng cáo của các bị cáo đối với bản án HSST số 09/2018/HSST ngày 22/3/2018 của TAND huyện Nga S, Thanh Hóa.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Đỗ Thị N – sinh năm 1966; Trú quán: Xóm 6, xã Nga Y, huyện Nga S, tỉnh Thanh Hóa. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch : Việt Nam; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: Không biết chữ. Con ông Đỗ Văn L (đã chết) và bà Trần Thị Q; Chồng: Trịnh Thế H1 (đã chết). Bị cáo có 03 người con; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/10/2017 đến ngày 01/11/2017, được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Trương Văn V – sinh năm 1983; Trú quán: xóm 2, xã Nga M, huyện Nga S, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12. Con ông Trương Văn H2 (đã chết) và bà Mai Thị T2; Vợ: Quách Thị H2 (T3); Bị cáo có 02 người

con; Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Năm 2012 bị Tòa án nhân dân huyện Nga S, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc” Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/11/2017 đến ngày 05/11/2017, được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa: Ông Phạm Ngọc H3: Luật sư thuộc VP luật sư Đồng T, đoàn LS tp Hà Nội bảo vệ quyền lợi cho bị cáo N.

Người làm chứng:

1. Quách Thị H – sinh ngày 06/3/2001 (vắng mặt).

2. Bùi Thị T – sinh năm 1988 (vắng mặt).

Đều trú tại: Thôn Cao L, xã Cẩm L, huyện Cẩm Thủy, Thanh Hóa

3. Trần Văn T1 – sinh năm 1983;

Địa chỉ: Xóm 1, xã Nga T4, huyện Nga S, Thanh Hóa, vắng mặt.

4. Vũ Đình L - sinh năm 1988;

Địa chỉ: Xóm 6, xã Nga T4, huyện Nga S, Thanh Hóa, vắng mặt.

5. Nguyễn Thị Kiều G – sinh năm 1982;

Địa chỉ: tiểu khu 2, thị trấn Nga S, huyện Nga S, Thanh Hóa, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 28/10/2017, Quách Thị H (tên gọi khác là Quách Thị Tâm – sinh ngày 06/3/2001, ở xã Cẩm L, huyện Cẩm Th, Thanh Hóa) đi tìm nhà trọ tại khu vực ngã 5 Nga M thì gặp Trương Văn V, do biết nhau từ trước nên H nhờ V chỉ giúp để H thuê nhà trọ. Chưa tìm được việc làm nên H nhờ V giới thiệu nếu có khách mua dâm thì gọi cho H đi bán dâm. V hỏi H “nhiều tuổi chưa mà muốn đi bán dâm”. H nói “em sinh năm 1997”, V đồng ý và thỏa thuận số tiền đi bán dâm sẽ chia 50 - 50 (mỗi lần V giới thiệu đi bán dâm, H phải đưa cho V 50% số tiền là bằng 100.000đ); thỏa thuận xong V lấy số điện thoại của H. H đi thuê nhà trọ để nghỉ. Sau đó V gọi đến nhà nghỉ Kiều G ở tiểu khu 2, thị trấn Nga S, huyện Nga S, Thanh Hóa gặp Đỗ Thị N (nhân

viên nhà nghỉ) nghe máy. V nói “nếu có khách có nhu cầu mua dâm thì gọi cho tôi”.

Tối cùng ngày (28/10/2017), chị Nguyễn Thị Kiều G là chủ nhà nghỉ Kiều G đi vắng, giao lại quyền quản lý nhà nghỉ cho N. Đến khoảng 20giờ 45 phút N đang đứng ở quầy lễ tân thì Trần Văn T1 ở xóm 1, xã Nga T4, Nga S, Thanh Hóa và Vũ Đình L ở xóm 6, xã Nga T4, Nga S, Thanh Hóa đến nhà nghỉ Kiều G. T1 hỏi N “có gái không, gọi cho 2 em”, N đồng ý và thỏa thuận giá cả 300.000đ/người. T1 đưa cho N 600.000đ, nhận tiền xong N hướng dẫn cho anh T1 và anh L lên phòng 203, 204 nhà nghỉ và chờ. N lấy điện thoại gọi vào số 0169.4535.477 cho V nói “cho 2 gái lên nhà nghỉ Kiều G có khách đang đợi” V đồng ý nói “đợi em 10 đến 15 phút”. Sau đó V dùng điện thoại số 0965129117 gọi cho H và nói “lên nhà nghỉ Kiều G, bán dâm cho khách”, nhận được điện thoại của V, do không có xe nên H nhờ người phụ nữ (không biết tên) đang đi từ nhà trọ ra, chở lên nhà nghỉ Kiều G. Khi H lên đến nhà nghỉ Kiều G, thì N đưa cho H 01 bao cao su và hướng dẫn lên phòng 203 để bán dâm, thấy H vào phòng, T1 hỏi “em sinh năm bao nhiêu mà đi bán dâm”, H trả lời “em sinh năm 1997”. Sau đó 2 người nói chuyện và quan hệ tình dục với nhau.

Sau khi gọi điện thoại cho H, V nghĩ H không biết đường đến nhà nghỉ Kiều G, nên V đến khu trọ của H để hướng dẫn đường, nhưng đến nơi thì H đã đi khỏi phòng, lúc này có khách gọi đi xe, nên V nhờ Bùi Thị T – sinh năm 1988 ở xã Cẩm L, Cẩm Thủy, Thanh Hóa cùng khu trọ với H đến nhà nghỉ Kiều G để đón H, T đồng ý và đi đến nhà nghỉ Kiều G. Khi thấy T đến, N nghĩ là gái bán dâm do V giới thiệu đến nên hỏi “đến đi khách nhà nghỉ Kiều G à”, nghe vậy T nghĩ là có khách muốn mua dâm và cũng đang muốn kiếm tiền nên T trả lời “vâng”. N đưa cho T 01 bao cao su rồi hướng dẫn T lên phòng 204 để bán dâm.

Đến 21 giờ 25 phút cùng ngày, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, tổ công tác Công an huyện Nga S kiểm tra nhà nghỉ Kiều G phát hiện tại phòng số 203 T1 và H đang quan hệ tình dục, tại phòng số 204 L và T đang chuẩn bị quan hệ tình dục. Công an huyện Nga S lập biên bản phạm tội qu

tang, thu giữ tại phòng 203 có 01 bao cao su đã qua sử dụng; 01 vỏ bao cao su đã xé; tại phòng 204 có 01 bao cao su chưa qua sử dụng.

Đến 01 giờ ngày 29/10/2017 N đến Công an huyện Nga S đầu thú và giao nộp số tiền 600.000đ (thu của khách mua dâm); 01 điện thoại di động Nokia X1 màu đen đã qua sử dụng có gắn số thuê bao 02372.621.666 và 0985.899.468.

Đối với Trương Văn V sau khi phạm tội đã bỏ trốn, đến ngày 02/11/2017 V đến Công an huyện Nga S đầu thú và giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 110i màu xanh trắng có gắn sim số thuê bao 0965.129.117 và 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO màu trắng, nắp sau màu đỏ hồng đã qua sử dụng có gắn sim số thuê bao 01694.535.477.

Ngày 29/10/2017 chị H giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO FIS màu trắng có gắn sim số thuê bao: 01649.619.811 và số sim: 0984.510.214.

*** Về vật chứng vụ án:**

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng, nắp sau màu đỏ hồng, có gắn sim thuê bao: 01694.535.477 (thu của V).

- 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 110i màu xanh trắng có gắn sim số thuê bao: 0965.129.117 (thu của V).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia X1 màu đen có gắn sim số thuê bao: 02372.621.666 và sim số: 0985.899.468 (thu của N).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO FIS màu trắng, có gắn sim thuê bao: 01649.619.811 và sim số: 0984.510.214 (thu của H).

- Tiền V Nam đồng: 600.000đ (bị cáo N giao nộp).

(Tất cả tang vật của vụ án đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga S).

Bản án Hình sự sơ thẩm số 09/2018/HSST ngày 22/3/2018 của TAND huyện Nga S đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Điểm đ Khoản 2 Điều 327; Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo Đỗ Thị N.

- Điểm a Khoản 2 Điều 328; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo Trương Văn V.

Xử phạt:

- Bị cáo Đỗ Thị N 05 (Năm) năm tù tội "Chứa mại dâm". Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi các ngày tạm giữ (từ ngày 29/10/2017 đến ngày 01/11/2017).

- Bị cáo Trương Văn V 03 (Ba) năm tù tội "Môi giới mại dâm". Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi các ngày tạm giữ (từ ngày 02/11/2017 đến ngày 05/11/2017).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, tuyên án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 27/3/2018, Trương Văn V kháng cáo với nội dung: Xin hưởng án treo.

Ngày 02/4/2018, bị cáo Đỗ Thị N kháng cáo với nội dung: Đề nghị hủy án sơ thẩm, điều tra làm rõ sự thật khách quan của vụ án, xử lý người phạm tội và bảo vệ quyền lợi của người vô tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo N giữ nguyên nội dung kháng cáo kêu oan đề nghị hủy án để điều tra lại; Bị cáo V thay đổi nội dung kháng cáo kêu oan.

- Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên nội dung kháng nghị và đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Trương Văn V:

Sau khi phạm tội bị cáo V bỏ trốn và ra đầu thú tại cơ quan công an. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo V thành khẩn thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của Quách Thị H, Bùi Thị T

(Gái bán dâm), phù hợp với lời khai của Quách Thị Phương (Thu) là vợ bị cáo và lời khai của bị cáo Đỗ Thị N về diễn biến hành vi phạm tội. Việc trao đổi, liên lạc để đưa gái đến nhà nghỉ Kiều G bán dâm cho khách được thể hiện tại biên bản kiểm tra các cuộc điện thoại đi và đến giữa bị cáo V, nhân viên nhà nghỉ Kiều G và Quách Thị H vào tối ngày 28/10/2017. Sau khi xử sơ thẩm bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo kêu oan và cho rằng nhận tội là do cơ quan điều tra ép cung, mớm cung nhưng lời nài này không có căn cứ. Do đó, án sơ thẩm xử bị cáo V về tội môi giới mại dâm là đúng người, đúng tội. Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Trương Văn V.

[2] Xét kháng cáo kêu oan và đề nghị hủy bản án sơ thẩm của bị cáo Đỗ Thị N:

Hành vi của Đỗ Thị N được chứng minh bằng lời khai nhận tội trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai của bị cáo N cũng phù hợp với lời khai của bị cáo Trương Văn V về việc thống nhất đưa gái đến bán dâm cho khách tại nhà nghỉ Kiều G, phù hợp với lời khai của các đối tượng mua, bán dâm là Trần Anh T1, Vũ Đình L, Quách Thị H, Bùi Thị T về việc thỏa thuận giá cả mua dâm, giao nhận tiền và chỉ dẫn phòng cho khách và gái bán dâm, đưa bao cao su cho gái bán dâm, nên có căn cứ khẳng định bị cáo Đỗ Thị N bị kết tội chứa mại dâm là không oan.

Ở giai đoạn phúc thẩm Đỗ Thị N không thừa nhận việc gọi cho Trương Văn V để V điều gái đến nhà nghỉ bán dâm cho khách, mà mọi việc là do Nguyễn Thị Kiều G (chủ nhà nghỉ) điều hành, bị cáo chỉ là người giúp việc làm theo chỉ đạo của G, thể hiện bằng việc bị cáo có gọi cho G 2 cuộc điện thoại từ số máy thuê bao của bị cáo 01648059918 cho số máy của G 0975765998 vào thời điểm có 02 khách đến nhà nghỉ và khi Công an vào nhà nghỉ lập biên bản thì G có trao đổi với N để N nhận tội thay G. Do đó, cần tiến hành xác minh nhật ký cuộc gọi, nội dung trao đổi giữa 2 thuê bao này như thế nào? Ngoài ra bị cáo N cho rằng điện thoại di động nhãn hiệu Nokia X1 màu đen có gắn sim số thuê bao: 02372.621.666 và sim số: 0985.899.468 N nộp cho Cơ quan điều tra

không phải của N, N không liên lạc với V bằng điện thoại này. Vậy cần làm rõ điện thoại này là của ai? ai lại gọi cho V? trao đổi nội dung gì vào tối ngày 28/10/2017. Tiến hành đối chất giữa G và N để xác định có hay không hành vi chứa mại dâm của Nguyễn Thị Kiều G và xác định rõ vai trò của bị cáo Đỗ Thị N. Nên chấp nhận một phần kháng cáo của N hủy án sơ thẩm điều tra về các nội dung trên.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì vi phạm nghiêm trọng tố tụng:

Theo lý lịch cá nhân của Quách Thị H (Người bán dâm) do Công an xã Cẩm L, huyện Cẩm Th cung cấp và trích lục khai sinh do UBND xã Cẩm L, huyện Cẩm Th cung cấp thì Quách Thị H sinh ngày 06/3/2001. Mặc dù quá trình điều tra H khai sinh năm 1997, bị cáo Trương Văn V và người mua dâm Trần Anh T1, nhưng căn cứ vào lý lịch và trích lục khai sinh thì đây là những tài liệu có giá trị pháp lý chứng minh về độ tuổi của H. Tính đến ngày 28/10/2017 là người chưa thành niên (16 tuổi 07 tháng 22 ngày). Do đó, việc truy tố và xét xử các đối tượng môi giới và chứa mại dâm với tình tiết định khung “Đối với người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi” là có căn cứ. Tuy nhiên, Trần Anh T1 là người mua dâm Quách Thị H thì các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm lại nhận định do T1 không biết H là người chưa thành niên nên chỉ xử lý hành chính T1 về hành vi mua dâm. Việc xử lý hành chính T1 là không phù hợp, bởi vì tội “Mua dâm người chưa thành niên” quy định tại điều 256 BLHS 1999 không quy định chủ thể mua dâm phải biết rõ người bán dâm là người chưa thành niên. Vì vậy, hành vi của Trần Anh T1 có dấu hiệu của tội “Mua dâm người chưa thành niên”, nhưng các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm chưa xử lý Trần Anh T1 về hành vi này là bỏ lọt tội phạm, nên chấp nhận kháng nghị của VKSND tỉnh T Hóa để điều tra, xét xử lại theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[4] Do bản án sơ thẩm bị hủy nên các bị cáo không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điểm a, b Khoản 1 Điều 358 BLTTHS; Điểm f Khoản 2 Điều 23 NQ 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1, Hủy bản án Hình sự sơ thẩm số 09/2018/HSST ngày 22/3/2018 của TAND huyện Nga S. Chuyển hồ sơ cho VKSND huyện Nga S điều tra theo thẩm quyền.

2, Án phí: Các bị cáo Đỗ Thị N, Trương Văn V không phải nộp án phí HSPT.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND huyện Nga S
- TAND huyện Nga S
- Công an huyện Nga S
- THADS huyện Nga S
- Bị cáo
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VP Tòa Hình sự.

Lê Thị Dung

